

Bản án số: 241/2020/DS-PT

Ngày 17 tháng 7 năm 2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất;
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 720/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Văn Q (Q1) - đã chết ngày 05/3/2015

*** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lý Văn Q (Q1):**

1. Ông Lý Thanh M, sinh năm 1970 (có mặt).

2. Ông Lý Hoàng Th, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3. Ông Lý Quốc Th1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

4. Bà Lý Nguyệt Th2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

5. Ông Lý Văn L (L1), sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, ông Th1, bà Th2 và ông L (L1) Giang: Ông Lý Thanh M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị C (đã chết năm 2017).

*** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C:**

1. Ông Lý Văn K, sinh năm 1976 (có mặt).
2. Ông Lý Trọng H (Văn Hiều), sinh năm 1970 (vắng mặt).
3. Bà Lý Hương G, sinh năm 1969 (vắng mặt).
4. Ông Lý Văn L2, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Lý Mộng Ngh, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lý Thị K1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Lý Ngọc B, sinh năm 1978 (vắng mặt).

8. Bà Lý Mai H (Q2), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị K1, ông Lý Văn H2, bà Lý Ngọc B, bà Lý Mộng Ngh, bà Lý Hương G, ông Lý Văn L2, bà Lý Mai H, bà Lý Hồng Th2, ông Lý Anh Kh: Ông Lý Văn K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp 2, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2020) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Lý Văn K, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- 3.2. Bà Nguyễn Hồng Th3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th3: Ông Lý Văn K, sinh năm 1976 (có mặt).

- 3.3. Ông Lý Trọng H (Văn Hiều), sinh năm 1970 (vắng mặt).

- 3.4. Bà Lý Hương G, sinh năm 1969 (vắng mặt).

- 3.5. Ông Lý Văn L2, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- 3.6. Bà Lý Mộng Ngh, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- 3.7. Bà Lý Thị K1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

3.8. Bà Lý Ngọc B, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3.9. Bà Lý Mai H (Q2), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

3.10. Ông Lý Văn Kh1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- **Người kháng cáo:** Ông Lý Thanh M - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Lý Văn Q (Q1) và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Lý Văn Q (Q1) gồm ông Lý Thanh M, ông Lý Hoàng Th, ông Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, ông Lý Văn L (L1) trình bày:

Nguồn gốc đất chấp là của cụ Lý Văn N và cụ Nguyễn Thị S cho ông Lý Văn Q trước năm 1975, sau đó ông Q vẫn để cho cụ N quản lý sử dụng; cụ N cho Lý Thị T, Lý Hồng C2, Lý Hồng Đ mượn đất để sử dụng. Năm 1992, cụ N chết. Năm 1992, ông Lý Văn Q giao phần đất này cho em ông là ông Lý Văn A (chồng bà C) quản lý sử dụng đến năm 1995. Từ năm 1995 đến năm 2006, ông Q cho cháu là Nguyễn Hồng C3, Nguyễn Hồng Đ1 mượn làm ruộng tại thửa đất 216 do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10.800m², có các cạnh ABCD, EFP theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/02/2014. Phần đất còn lại chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa 178 có diện tích 9.200m² (theo đo đạc thực tế có các cạnh CDMN) ông Q cho em là bà Lý Thị T mượn một phần từ năm 1977 đến năm 2007 thì ông K chiếm dụng làm cho đến nay, phần đất lá còn lại thì ông Q để cho con cháu trong thân tộc đồn lá sử dụng hàng năm.

Ngày 11/4/2003, ông Q họp thân tộc lại, có bà C và các con bà tham dự cùng đồng ý trả cho ông Q 17 công đất (tầm 03 mét) nói trên bằng 22.032m². Theo sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m² gồm:

+ Phần đất thứ nhất gồm các cạnh: ABCD, EFP đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị C đứng tên, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 216 có diện tích 11.566,1m², trong đó phần đất cát Phủ Thờ họ Lý 1.542,3m² (phần đất phủ thờ không tranh chấp).

+ Phần đất thứ hai gồm các cạnh: CDMN, PQFH có diện tích 8.316,1m² là do ông Lý Văn Q đứng tên trong sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Lý Văn Q (Q1) gồm ông Lý Thanh M, ông Lý Hoàng Th, ông Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, ông Lý Văn L (L1) ủy quyền cho ông Lý Thanh M làm đại diện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C. Buộc những

người thừa kế của bà C và những người có liên quan trả lại cho các con của ông Q hai phần đất trên; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 543864 thửa số 216 tờ bản đồ số 02 diện tích 10.800m² cấp cho bà Lê Thị C ngày 28/5/2005.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Phía bà C và các con bà thừa nhận đất của ông Q, có họp gia đình để giao đất lại cho ông Q nhưng sau đó phía gia đình bà C không thống nhất giao đất nên phát sinh tranh chấp: Sơ đồ phân chia đất ngày 11/4/2003 của gia đình bà C với ông Q, ông M; Sơ đồ vị trí đất (phân chia đất cụ Lý Văn N để lại cho các con, cháu cụ N) do ông Lý Văn Q lập, người kẻ và viết lại sơ đồ là ông Lý Thanh M căn cứ trên sơ đồ của bà C kêu anh Lý Văn H2 lập ngày 26/3/2003 thể hiện chia cho ông M (đại diện cho ông Q) nhận 17 công đất; Phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do trước đây cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn Q, ông Q giao cho vợ chồng ông A, bà C quản lý nên ông A, bà C kê khai cho ông Q đứng tên trong sổ mục kê địa chính có xác nhận của Trung tâm thông tin tài nguyên và môi trường ngày 08/10/2009. Sau khi gia đình bà C với gia đình ông Q thỏa thuận giao trả đất thì ông Q giao cho ông M đi kê khai đăng ký chuyển qua cho ông M đứng tên toàn bộ hai phần đất trong sổ địa chính với diện tích 14.787m² nhập thành thửa 278 (thửa 178 và 216); Xác nhận của bà Nguyễn Hồng C3 và bà Nguyễn Hồng Đ1 ngày 13/8/2007 (con bà Lý Thị T, bà Tiên là em ông Q, ông A) có mượn đất của ông Lý Văn Q phần đất bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 216); Xác nhận của bà Lý Thị T ngày 13/8/2007 có mượn đất của ông Lý Văn Q phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 178 có diện tích 9.200m²).

Bị đơn - bà Lê Thị C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm bà Lý Thị K1, ông Lý Văn H2, bà Lý Ngọc B, bà Lý Mộng Ngh, bà Lý Hương G, ông Lý Văn L2, bà Lý Mai H, bà Lý Hồng Th2, ông Lý Anh Kh, ông Lý Văn K trình bày:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn A diện tích 35 công đất. Năm 1994, ông Ấn chết, bà C là vợ ông Ấn kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất. Trước đây ông M là con của ông Q khởi kiện, gia đình ông K yêu cầu ông M rút đơn khởi kiện để về họp thân tộc phân chia lại đất và đồng ý chia cho ông M 7 công đất tầm lớn nhưng hôm nay không đồng ý chia đất. Thống nhất giao cho ông M theo sơ đồ đo đạc ngày 17/02/2014 thuộc thửa 216 chính là phần đất có các cạnh ABCD, EFP; còn phần đất PQFH có diện tích 4.089,2m² trước đây cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn D (cha của Lý Anh Kh) nhưng thực tế gia đình cụ N vẫn quản lý sử dụng. Sau đó, ông A thấy ông Kh không có đất nên cho lại ông Kh 04 công, đến năm 2005 thì ông Kh sang lại cho ông K. Còn phần đất có các cạnh CDMN có diện tích 4.226,9m² là do cụ Lý Văn N cho ông Lý Văn A, ông Ấn chết để lại cho con là ông K quản lý sử dụng.

Đối với ý kiến ông M xác định ông Q có cho bà Nguyễn Hồng Đ1, Nguyễn Hồng C3 mượn đất là không đúng vì phần đất này từ trước đến nay gia đình ông K quản lý sử dụng liên tục trên 40 năm. Theo lời của ông Lý Thành Phụng (em ruột cụ Lý Văn N) kể lại tại biên bản họp thân tộc xác định trước đây ông Nững chỉ cho ông Q phần đất 04 công tầm cây mà thôi.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C ủy quyền cho ông Lý Văn K làm đại diện yêu cầu hủy biên bản họp thân tộc và sơ đồ phân chia đất ngày 11/4/2003. Trước đây gia đình thống nhất cho ông M là cho có điều kiện, yêu cầu ông M đứng ra làm phủ thờ họ Lý đến khi hoàn thành, nhưng ông M không làm mà bỏ ngang giữa chừng. Ông K và những người trong thân tộc bỏ tiền và công sức để làm, nay đã hoàn thành nên không thống nhất chia đất cho ông M theo biên bản họp thân tộc do ông M không thực hiện được điều kiện mà gia đình và dòng họ đưa ra.

Ngày 17/7/2017, ông Lý Văn K có đơn phản tố, yêu cầu phía nguyên đơn phải trả cho phía bị đơn tiền công cải tạo đất là 105.000.000 đồng, nếu Tòa án buộc trả lại cho nguyên đơn phần đất 10.800m², nhưng ông K không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của mình. Tại phiên tòa, ông K rút lại yêu cầu phía nguyên đơn trả tiền công cải tạo đất do ông không đồng ý giao đất theo yêu cầu của nguyên đơn; đồng thời ông K cho rằng các con của ông là Lý Hoàng H3 và Lý Châu Đ1 từ trước đến chỉ đi học và đi làm không liên quan đến phần đất tranh chấp và cũng không có công đầu tư cải tạo gì trên đất và cũng không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau trình bày:

+ Theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/02/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, thì phần đất gồm các cạnh ABCD, PEF diện tích 11.566,1m² chính là phần đất thửa số 216, tờ bản đồ số 02, diện tích là 10.800,0m² do bà Lê Thị C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Phần đất liền kề gồm các cạnh CDMN, PQFH diện tích 8.316,1m² là phần đất thuộc thửa 178 tờ bản đồ số 02, diện tích 9.200,0m² do ông Lý Văn Q đứng trong sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Kía xác định phần đất tranh chấp với ông Q thể hiện đúng theo sơ đồ đo đạc lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Cà Mau, phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m², gồm:

+ Phần đất thứ nhất gồm các cạnh: ABCD, EFP đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị C đứng tên thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 216 có diện tích thực tế bằng 11.566,1m², trong đó có phần đất cất Phủ thờ họ Lý có diện tích 1.542,3m² không tranh chấp.

+ Phần đất thứ hai gồm các cạnh: CDMN, PQFH có diện tích thực tế 8.316,1m² là do ông Lý Văn Q đứng tên trong sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay các phần đất trên ông K, bà Th3 đang quản lý sử dụng không có cầm cố, thế chấp hay sang bán cho ai, đất làm vuông

tôm. Phần đất Phủ Thờ Họ Lý có diện tích 1.542,3m² hiện không có tranh chấp với ông Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DSST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

“Căn cứ vào các Điều 26, 37, 38, 74, 147, 157, 158, 165, 166, 27, 232, 266, 271, 273 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 124, 166 của Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 188, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn là ông Lý Văn Q (Q1) và người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là Anh Lý Thanh M, anh Lý Hoàng Th, anh Lý Quốc Th1, chị Lý Nguyệt Th2, anh Lý Văn L (L1) đối với yêu cầu bà Lê Thị C và những người có liên quan trả lại 17 công đất (tầm 03 mét) bằng 22.032m² cho ông Q. Theo sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m² gồm 02 phần:

Phần thứ nhất gồm các cạnh ABCD, EFP đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị C đứng tên, thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 216 có diện tích 11.566,1 m².

Phần đất thứ hai gồm các cạnh: CDMN, PQFH có diện tích 8.316,1m² là do ông Lý Văn Q đứng tên trong sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Vị trí như sơ đồ đo vẽ hiện trạng đã thể hiện) và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 543864 thửa số 216 tờ bản đồ số 02 diện tích 10.800m² cấp cho bà Lê Thị C”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2019, ông Lý Thanh M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lý Văn Q (Q1) và người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là ông Lý Thanh M, ông Lý Hoàng Th, ông Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, ông Lý Văn L (L1), yêu cầu bà Lê Thị C và những người có liên quan trả lại 17 công đất (tầm 03 mét) bằng 22.032m² cho ông Q. Theo sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m²; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 543864 thửa số 216 tờ bản đồ số 02 diện tích 10.800m² cấp cho bà Lê Thị C ngày 28/5/2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do ông Lý Thanh M làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lý Văn Q (Q1) và người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q là ông Lý Thanh M, ông Lý Hoàng Th, ông Lý Quốc Th1, bà Lý Nguyệt Th2, ông Lý Văn L (L1) về việc yêu cầu bà Lê Thị C và những người có liên quan trả lại 17 công đất (tầm 03 mét) bằng 22.032m² cho ông Q. Theo sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 17/02/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M phần đất tranh chấp nói trên có tổng diện tích 19.882,2m²; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 543864 thửa số 216 tờ bản đồ số 02 diện tích 10.800m² cấp cho bà Lê Thị C ngày 28/5/2005.

Người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là ông Lý Văn K không đồng ý với kháng cáo và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về nguồn gốc đất: Các bên thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ Lý Văn N để lại.

Xét về quá trình quản lý và sử dụng đất: ông M xác định toàn bộ phần đất tranh chấp là của cụ N để lại cho ông Q. Tuy nhiên, không có chứng cứ chứng minh lúc ông N còn sống có cho ông Q 02 phần đất nêu trên và ông Q cũng không có thời gian quản lý, sử dụng phần đất này. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông K thừa nhận gia đình bà C hợp thân tộc ngày 11/4/2003 để giao lại cho ông Q phần đất thửa 216, tờ bản đồ số 02 diện tích 10.023,8m² do bà C đứng tên GCNQSDĐ chứ không phải 17 công như lời trình bày của ông M, nhưng phía ông M phải đứng ra xây dựng khu nhà mồ cho thân tộc. ông K cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh việc trả đất có điều kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất, thu thập lời khai của những người trong thân tộc để làm rõ vấn đề trả đất có điều kiện hay không. Hơn nữa, tại bản vẽ sơ đồ vị trí đất của cụ N chia cho các con (BL 326) thì phần diện tích đất ông Lý Văn A được chia để lại Lê Thị C chia cho con Lý Văn K là 10.368m² và phần Lý Văn Q (Q1) do Lê Thị C đứng tên trả cho con ông Q là Lý Thanh M tổng cộng 22.032m² thì phù hợp với trình bày và khởi kiện của Lý Thanh M, do đó cần phải đối chất làm rõ phần diện tích đất bà C đồng ý trả cho ông Q là bao nhiêu và trả có điều kiện hay không.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là bản vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp năm 2017 nhưng khi xét xử lại căn cứ vào bản vẽ cũ năm 2014, mà diện tích giữa 2 bản đồ này có sự chênh lệch và hình thể cũng khác nhau nhưng chưa được làm rõ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận phần kháng cáo của ông Lý Thanh M, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được ông Lý Thanh M thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc các phần đất tranh chấp là của cụ Lý Văn N (cha của ông Q và là cha chồng của bà C) để lại, đất tọa lạc tại ấp 1 và 2 xã Kh1, huyện M, tỉnh Cà Mau. Khoảng năm 1965-1970, cụ N cho ông Q nhưng ông Q vẫn để cho cụ N canh tác. Đến năm 1990, cụ N chết thì ông Q để cho gia đình bà C canh tác.

Theo “Bản sơ đồ phân chia đất ngày 11/4/2003”, nội dung xác định phần đất tranh chấp cụ N đã cho ông Q mà bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C đồng ý trả lại cho ông Q phần đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K xác định bà C và các con có ký vào “Bản sơ đồ phân chia đất ngày 11/4/2003” nhưng đây là bản thỏa thuận có điều kiện, vì nếu ông Q được trả lại đất thì ông Q phải xây dựng nhà thờ họ Lý thì mới được trả phần đất này. Như vậy, theo “Bản sơ đồ phân chia đất ngày 11/4/2003” thì có căn cứ xác định gia đình bà C thừa nhận phần đất tranh chấp là của cụ N cho ông Q. Tuy nhiên, cần phải làm rõ khi lập văn bản này thì có việc thỏa thuận xây dựng nhà thờ họ như ông K trình bày không. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đổi chất để làm rõ vấn đề này là chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhiều lần và có nhiều bản vẽ, trong đó có bản vẽ năm 2014 và năm 2017. Theo bản vẽ năm 2017 thì diện tích đất tranh chấp có nhiều biến đổi về diện tích, về mục đích sử dụng so với bản vẽ năm 2014. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào bản vẽ năm 2014 để tuyên trong phần quyết định là không đúng thực trạng đất đang tranh chấp. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy chưa đủ căn cứ xác định hiện nay hiện trạng đất tranh chấp như thế nào? Vì sao Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào bản vẽ năm 2014 để giải quyết vụ án. Do đó, cần phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ

xác định lại hiện trạng thực tế toàn bộ diện tích đất tranh chấp để đảm bảo việc xét xử được đúng đắn và đảm bảo tính khả thi cho việc thi hành án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Lý Thanh M không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông M tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Thanh M.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Thanh M không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lý Thanh M 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00442 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- Các đương sự (14);
- Lưu VP (2) hồ sơ (1) (NTTAM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh